

Số: 320/BC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV
NĂM 2018**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV**;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701436805 đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 01/12/2018.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (020) 33715 066
- Fax: (020) 33715 067
- Website: www.minegeology.vn
- Mã cổ phiếu: **MGC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Công ty cổ phần Địa chất mỏ – TKV tiền thân là Đoàn Thăm dò 9. Công ty được thành lập theo quyết định số 223/ĐC ngày 01/09/1958 của Sở Địa chất – Bộ Công nghiệp.

Theo văn bản số 3132/CN ngày 07/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng cục Địa chất nâng cấp Đoàn Thăm dò 9 thành Liên đoàn Địa chất 9 với các Đoàn Thăm dò trực thuộc. Liên chi đoàn Địa chất 9 tiếp nhận các Đoàn địa chất làm nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và vật liệu xây dựng của Liên đoàn 2 theo quyết định số 346/QĐ – TC ngày 11/12/1973 của Tổng cục Địa chất. Tại Quyết định số 357/QĐ-TC ngày 11/12/1975 của Tổng cục Địa chất, liên đoàn Địa chất 9 tiếp nhận Đoàn Địa chất 21 làm nhiệm vụ tìm kiếm – thăm dò khoáng sản phi kim loại và vật liệu xây dựng.

Tại Quyết định số 373/QĐ-TC ngày 31/10/1977 của Tổng cục Địa chất, Liên đoàn Địa chất 9 trở thành Liên đoàn địa chất khu vực với nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản trên lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.



Sau khi giải thể Tổng cục Địa chất, Chính phủ đã ra Nghị định số 30/HĐBT ngày 30/04/1990 v/v thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam – trực thuộc Bộ công nghiệp nặng. Với chủ trương sản xuất kinh doanh than từ khâu đầu đến khâu cuối, Bộ Công nghiệp nặng đã bàn giao Liên đoàn Địa chất 9 cho Bộ Năng lượng (Quyết định số 03/CNNg-TC ngày 13/11/1991 của Bộ Công nghiệp nặng), đồng thời điều chuyển Đoàn 913 và Đoàn 911 về trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản.

Trong những năm của thập kỉ 80 (thế kỉ 20) ngoài công tác tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác vùng Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất 9 với tinh thần phát huy nội lực, giữ vững lực lượng, đa dạng hóa sản phẩm đã tổ chức khai thác, chế biến than và khoáng sản khác. Vì vậy, Bộ Năng lượng đã chính thức giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh than cho Liên đoàn Địa chất 9 và đổi tên thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (Quyết định số 609/NL-TCCBLĐ ngày 13/12/1991 của Bộ Năng lượng). Theo đó, các Đoàn địa chất được đổi tên thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản.

Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 563/TTg thành lập Tổng công ty Than Việt Nam. Thực hiện quyết định trên, từ ngày 01/01/1995 công ty Địa chất & KTKS chính thức là đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.

Để thống nhất quản lí công tác thăm dò địa chất trong ngành than, Tổng công ty Than Việt Nam đã điều chuyển Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát 4 từ Công ty Than Cẩm Phả (Quyết định số 296/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) và Xí nghiệp Thăm dò khai thác than từ Công ty Than Hòn Gai (Quyết định số 265/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) về trực thuộc Công ty Địa chất & KTKS; Chuyển Xí nghiệp 917 từ Công ty Địa chất & KTKS về Công ty Than Hòn Gai (Số 2811/TVN-TCCB ngày 23/07/1997).

Trên cơ sở Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 03/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Than Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Tổng công ty Than Việt Nam ra quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2003 với nội dung: Tách phần địa chất của Công ty Địa chất & KTKS để thành lập mới Công ty Địa chất Mỏ trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam kể từ ngày 01/05/2003 với các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ DLĐC.

Ngày 28/09/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 2322/QĐ-HĐTV v/v phê duyệt đề án và chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV.

Ngày 08/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 731/QĐ-TKV v/v phê duyệt Phương án Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV. Theo đó từ ngày 01/05/2014 chấm dứt hoạt động của các Xí nghiệp: Địa chất Cẩm Phả, Trắc địa bản đồ, Dịch vụ DLĐC, giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 314/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 28 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có quyết định số 119/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 17/8/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV (Thời điểm 0h ngày 01/04/2015).

Ngày 06/10/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1987/QĐ-TKV về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thành công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2016, Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 108 tỷ đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Điều tra cơ bản, thăm dò địa chất than và các tài nguyên khoáng sản khác, thăm dò trong quá trình khai thác mỏ, địa chất khai thác mỏ, địa chất công trình, địa chất thủy văn.

+ Khảo sát, đo đạc địa hình bề mặt, đo đạc chuyên ngành mỏ lộ thiên và hầm lò, Đo địa vật lý Carota.

+ Dịch vụ địa chất trắc địa: Lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại, nghiên cứu khoa học công nghệ.

+ Khảo sát, xử lý địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình xây dựng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi.

+ Dịch vụ: Khoa học công nghệ, tin học, in ấn, liên kết xuất bản, tắm khoáng nóng, xoa bóp ...

- Địa bàn hoạt động chính: Tại tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

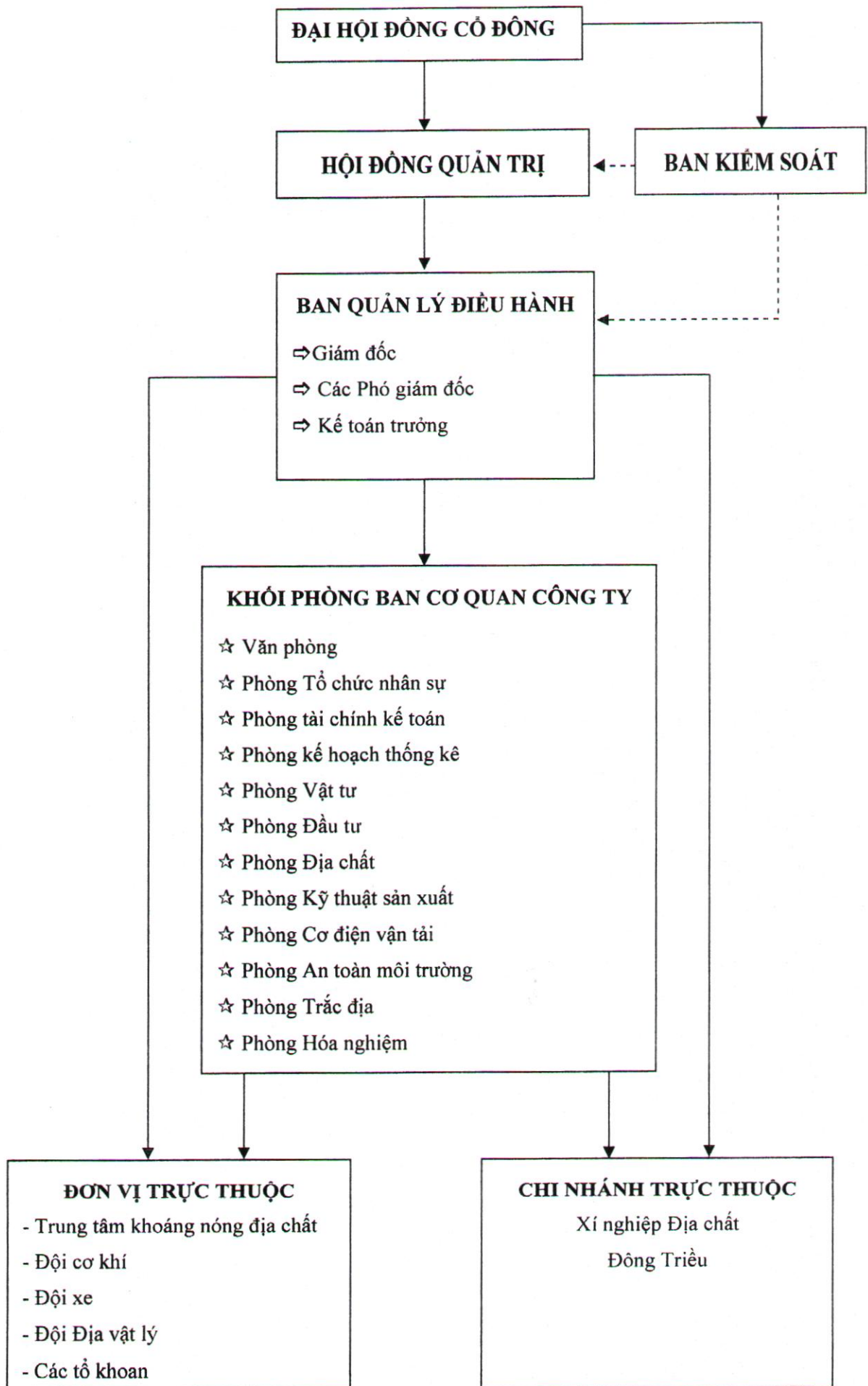
+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc gồm có: 01 Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, đơn vị trực thuộc và Chi nhánh: Gồm 12 phòng ban; 03 Đội trực thuộc; Trung tâm Khoáng nóng địa chất; 19 tổ khoan thuộc Công ty và 01 chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều theo mô hình sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong năm 2018, Công ty tiếp tục điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành Công ty đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam về lĩnh vực thăm dò, khảo sát địa chất.

+ Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khoan phù hợp với từng địa tầng, từng vùng và kết cấu của đất đá.

+ Duy trì sản xuất ổn định và mở rộng sản xuất khoan trong lò để tháo nước, tháo khí cho các Công ty than.

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Công ty là đơn vị làm nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong TKV, địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn cho đời sống và việc đi lại của người lao động. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay là điều kiện thi công khoan thăm dò, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới... vì vậy các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước... nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc phục những khó khăn trên.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2018, Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách cho Nhà nước và bảo toàn được vốn, cụ thể một số chỉ tiêu sau:

- **Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	KH 2018 điều chỉnh	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH năm	
						So với KH điều chỉnh số	So với KH đầu năm
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/2)	(5=3/1)
I	Chỉ tiêu hiện vật						

	- Khoan thăm dò	m	75.000	58.000	62.377,5	107,5	83,1
	- Khảo sát trắc địa	ha	15.000	15.600	16.018	102,6	106,7
II	Chỉ tiêu giá trị						
1	Doanh thu tổng số	Tr.đồng	350.000	280.000	316.268	112,9	90,3
2	Lợi nhuận	Tr.đồng	10.000	2.500	3.650	146,0	36,5
3	Lao động, thu nhập						
-	Lao động bình quân	người	986	870	870	100	88,2
-	ΣQTL thực hiện	Tr.đồng	102.000	74.882	80.766,1	107,8	79,1
-	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	8.621	7.174	7.736	107,8	89,7
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	19.168	19.868	20.029	110,8	104,4

* Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Thuận lợi: Tập đoàn giao nhiệm vụ thăm dò vốn sản xuất sớm hơn các năm trước, Công ty là đơn vị truyền thống, chuyên ngành làm công tác khảo sát thăm dò, có sự chuẩn bị tốt về nhân lực, thiết bị; giá nhiên vật liệu ở mức tương đối ổn định, lãi vay ngân hàng không tăng, tạo thuận lợi trong việc cân đối chi phí.

- Khó khăn: Do cơ chế quản lý nên năm 2018, không hình thành nguồn quỹ tập trung về khảo sát thăm dò, vì vậy việc triển khai thi công thăm dò từ nguồn vốn này chậm hơn các năm trước, mặt khác do khối lượng thăm dò đã được cấp phép còn lại ít, khối lượng thăm dò bỏ sung chưa được cấp phép, do đó khối lượng thăm dò được giao ít chỉ bằng 77% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với khối lượng giảm thì điều kiện thi công cũng rất khó khăn, các Đề án thăm dò mỏ Nam Mẫu, Mông Dương công tác giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn, do vị trí thi công vào rừng tự nhiên không thể triển khai đồng loạt các vị trí thi công, vì thế tuy ít việc nhưng công ty vẫn không thi công hết được khối lượng TKV giao.

Do khối lượng thi công ít nên doanh thu cũng giảm đi tương ứng, vì vậy rất khó khăn trong việc cân đối chi phí, tuy nhiên với tinh thần vượt khó Công ty đã đề ra nhiều biện pháp về quản lý kỹ thuật, quản trị chi phí có hiệu quả, do đó nên năm 2018 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu phối hợp kinh doanh điều chỉnh của TKV, đời sống thu nhập của người lao động được ổn định.

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ %		Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	
1	Hà Minh Thọ	Giám đốc		0,086	Từ ngày 01/12/2018
2	Vũ Văn Mạnh	Giám đốc		0,125	Đến ngày 30/11/2018
3	Lê Văn Lân	P.Giám đốc		0,102	

4	Phạm Văn Ngôn	P.Giám đốc		0,166	
5	Nguyễn Bá Lượng	P.Giám đốc		0,104	
6	Nguyễn Thị Hồng Lan	KT trưởng		0,034	

b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành: Trong năm 2018, Công ty có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành cụ thể như sau: Ngày 08/11/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV có quyết định số 1726/QĐ-ĐCM về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ hưu trí đối với ông **Vũ Văn Mạnh** – Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/12/2018; Ngày 15/11/2018, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV có Quyết định số 1768/QĐ-ĐCM về việc bổ nhiệm ông **Hà Minh Thọ**, Phó giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018. Tóm tắt lý lịch của Ban lãnh đạo điều hành đã được nêu tại các kỳ trước, bổ sung lý lịch của ông Hà Minh Thọ:

- Họ và tên: Hà Minh Thọ

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 03/3/1974

- Nơi sinh: Xã Kim Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Số CMND: 10129289 Ngày cấp: 23/8/2008 Nơi cấp: CA. Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Số điện thoại: 0913.314.080

- Trình độ học vấn: Thạc sỹ

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất;

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 5/1997-3/2005: Làm việc tại Đoàn địa chất 913, Cẩm Phả - Quảng Ninh

+ Từ tháng 4/2005-02/2007: Tác giả các phương án tại Phòng địa chất Công ty Địa chất Mỏ - TKV

+ Từ tháng 3/2007-11/2008: Phó phòng KTSX-MT&AT Xí nghiệp trắc địa bản đồ - Công ty Địa chất Mỏ - TKV;

+ Từ tháng 12/2008-3/2011: Trưởng phòng Địa chất – Môi trường Xí nghiệp trắc địa bản đồ - Công ty Địa chất Mỏ - TKV;

+ Từ tháng 04/2011-07/2011: Phó phòng Địa chất Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin

+ Từ tháng 8/2011 – 07/2012: Phó phòng phụ trách phòng Địa chất Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin

+ Từ tháng 08/2012 – 12/2015: Trưởng phòng Địa chất Công ty Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV

+ Từ tháng 01/2016-6/2017: Trưởng phòng Địa chất kiêm Trợ lý giám đốc trong công tác thị trường về lĩnh vực khảo sát, khoan thăm dò địa chất Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

+ Từ tháng 7/2017 - 11/2018 là Phó giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

+ Từ tháng 12/2018 đến nay là Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 3.900, chiếm 0,086 % vốn điều lệ,

Trong đó:

+ Cá nhân sở hữu: 3.900 cổ phần

+ Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

- Sở hữu của những người có liên quan:

Họ tên	Địa chỉ	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ
Vợ: Hà Thị Thập	Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh	100676278	20/8/2006	Quảng Ninh	0

- Các khoản nợ và các khoản lợi ích khác đối với Công ty: Không.

c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty: Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2018: 870 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì hỗ trợ chi phí đi lại làm việc cho CBNV, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 7.736.000 đồng/người/ tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi không đúng nội quy, quy định của công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Năm 2018, trên cơ sở kế hoạch HĐQT thông qua, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư một số dự án chính, bao gồm:

- Nhà Bia tưởng niệm: Đây là công trình được bổ sung vào dự án Bảo quản, tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác Than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhà phân tích mẫu (Dự án chuyển tiếp).

- Thiết bị duy trì sản xuất năm 2018.

- Nâng cấp phần mềm Địa chất 5.0.

- Kiểm toán dự án thiết bị duy trì sản xuất năm 2016, 2017

- Kiểm toán dự án sân kho vật tư Xí nghiệp Địa chất Đông Triều:

Dự kiến giá trị thực hiện đầu tư năm 2018 là 14.591 triệu đồng/17.620 triệu đồng, đạt 82,8% kế hoạch (Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch là do Công trình Nhà bia tưởng niệm thuộc dự án Bảo quản tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm khai thác Than đầu tiên của Việt Nam đang chờ Tập đoàn xem xét quyết định vị trí đặt Nhà bia)

Quá trình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng tuân theo các qui định của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam. Ngay sau khi kế hoạch đầu tư năm 2018 được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông báo, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành của Nhà Nước và Quy chế quản lý đầu tư của TKV, các dự án, công trình sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đạt hiệu quả, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2018.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Tổng tài sản	343.027.139.318	285.140.273.057	83,12
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	387.881.169.562	315.924.740.231	81,45
4	Giá vốn hàng bán	326.206.041.302	265.191.836.892	81,30
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.675.128.260	50.732.903.339	82,26
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8.126.202	5.676.866	69,86
7	Chi phí tài chính	5.555.752.085	4.114.940.582	74,07
8	Chi phí bán hàng	-	-	

9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.828.659.486	42.565.167.042	99,38
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.298.842.891	4.058.472.581	30,52
11	Thu nhập khác	290.427.267	322.431.815	111,02
12	Chi phí khác	905.570.658	731.205.049	80,75
13	Lợi nhuận khác	(615.143.391)	(408.773.234)	66,45
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.683.699.500	3.649.699.347	28,77
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.668.701.639	934.945.851	35,03
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.014.997.861	2.714.753.496	27,11

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,96	1,02	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	0,90	0,99	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,56	0,61	
- Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	1,61		
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	26,08	32,45	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,13	1,11	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0,026	0,009	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,085	0,024	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,029	0,010	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0,034	0,013	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
----	----------	----------	----------

1	Thuế	24.664.302.859	21.996.141.353
-	Thuế giá trị gia tăng	19.174.190.151	15.115.163.799
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.138.665.627	1.296.104.688
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.668.701.639	2.768.701.639
-	Thuế thu nhập cá nhân	814.407.562	567.859.402
-	Thuế tài nguyên	21.213.960	25.326.770
-	Thuế đất và tiền thuê đất	843.123.920	2.218.985.055
-	Các loại thuế khác	4.000.000	4.000.000
2	Các loại phí và lệ phí	72.138.690	33.180.000
-	Phí bảo vệ môi trường	28.458.000	33.180.000
-	Các khoản khác	43.680.690	
	Tổng cộng	24.736.441.549	22.029.321.353

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 10.800.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng tính đến thời điểm 31/12/2018: 251.780 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 31/5/2018)

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	10.800.000	100%	1	988
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	9.351.800	86,59%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	1.448.200	13,41%		988
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	9.351.800	86,59%	1	
2	Vốn nước ngoài	0	0%		

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 9.351.800 cổ phần, chiếm 86,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Trong năm 2018 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2018 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khoan thăm dò địa chất, do vậy nguyên vật liệu chủ yếu là ống chống, cần khoan.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Qui đổi TOE		Giá nhiên liệu		Sử dụng cho mục đích
Dầu DO	1.264.698	Lít	1113	TOE	14.681	đ/lít	Nhiên liệu máy khoan, vận tải, máy xúc gạt, máy phát điện, do Karota
Xăng	52.533	Lít	44	TOE	15.254	đ/lít	Nhiên liệu vận tải, bơm nước, do Karota
Điện năng mua ngoài	534.132	kWh	82	TOE	2.413	đ/kWh	Văn phòng, nhà xưởng
Điện năng tự sản xuất	5.460	kWh	0,8	TOE			Văn phòng, nhà xưởng
Tổng số			1.239	TOE			

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2018, do điều kiện sản xuất đặc thù của Công ty, báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong năm không có.

6.3. Tiêu thụ nước, xử lý nước thải

a) Tiêu thụ: Công ty Cổ phần Địa chất mỏ-TKV tiêu thụ các loại nước gồm:

- Nước máy dùng để vệ sinh tại khu văn phòng, điều hành, nấu ăn tại các bếp ăn tập thể; Năm 2018 sử dụng 5.198 m³, chi phí sử dụng là 82.500.000 đồng.

- Nước giếng khoan của Công ty tại Văn phòng Công ty, khu Km5, XN Địa chất Đông Triều dùng để vệ sinh, rửa xe, máy, tưới cây, phòng cháy chữa cháy, ...: 11.000 m³/năm.

- Nước khe suối tại Trung tâm Khoáng nóng Địa chất dùng để vệ sinh, tưới cây, phòng cháy chữa cháy, tắm tráng sau khi ngâm tắm khoáng nóng: 5.500 m³/năm.

- Nước khoáng nóng bơm từ giếng khoan lên phục vụ hoạt động ngâm tắm khoáng nóng: 11.098 m³/năm.

b) Xử lý nước thải:

Công ty hiện có 02 dạng nước thải gồm:

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động phân tích mẫu của phòng hóa nghiệm;

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động ngâm tắm khoáng nóng, từ các khu văn phòng điều hành.

Toàn bộ nước thải đều được Công ty tự xử lý; tại mỗi khu vực điều hành sản xuất, Công ty xây dựng các hệ thống thu gom và các bể chứa, bể tự hoại lắng lọc và bể xử lý; Nước thải sau khi xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép được xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Tổng lượng nước thải đã xử lý trong năm khoảng 33.000 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 870 người. Mức lương bình quân năm 2018: 7.736.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Duy trì hỗ trợ tiền tiếp phẩm cho công nhân tham gia trực tiếp sản xuất và phục vụ ăn uống đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho CBCNV phòng ban; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Ngoài việc Công ty tự tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ hàng năm cho người lao động, năm 2018 Công ty đã phối hợp với Trung tâm tư vấn pháp luật và huấn luyện an toàn Công đoàn Quảng Ninh mở các lớp huấn luyện an toàn định kỳ lần 1 cho người lao động đã có chứng chỉ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn theo

Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ cho người lao động nhóm 3 (công nhân khoan, cơ khí, trắc địa, hóa nghiệm, Địa vật lý, lái xe cầu, xe xúc và công nhân vận hành máy phát điện) với tổng số 487 người;

- Phối hợp với tập đoàn TKV huấn luyện an toàn cho người lao động thuộc nhóm 1, 2, 5 với tổng số 28 người;

- Công ty tổ chức huấn luyện an toàn cho người lao động thuộc nhóm 4 và nhóm 6 với tổng số 361 người.

- Chủ động phối hợp với các trường để mở các lớp đào tạo kiêm nghề cho Công nhân: Vận hành khoan máy địa chất, các thiết bị có tính đặc thù, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn...

Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2018.

TT	Nội dung	Số lớp/Đợt	Số người	Ghi chú
1	Tuyển lao động đi đào tạo nghề	0	0	
2	Tập huấn, huấn luyện	14	58	
3	Đào tạo kiêm nghề, thêm nghề	1	3	
4	Tuyển lao động có trình độ	18	23	
5	Huấn luyện AT, giáo dục định hướng cho lao động mới	2	480	
6	Bổ trí thực tập cho học sinh	3	11	

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, ngoài chi hỗ trợ thường xuyên cho 01 cá nhân bị nhiễm chất độc da cam, Công ty còn chi tặng quà cho các trường trên địa bàn, các tổ chức chính trị xã hội, các gia đình khó khăn nhân dịp lễ, tết...

Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện ăn, ở và làm việc cho công nhân vận hành khoan máy địa chất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân trong Công ty. Đặc biệt đã rất nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm để nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời có nhiều giải pháp để thu hút lao động yên tâm ở lại với Công ty; duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua bảng số liệu tại mục II.1, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD

- Kết quả hoạt động địa chất tính theo hiện vật: Khối lượng khoan thăm dò thực hiện năm 2018 là 62.377,5mk đạt 107,5% so với kế hoạch điều chỉnh PHKD năm 2018 giữa Tập đoàn TKV với Công ty; Khối lượng về khảo sát địa hình thực hiện năm 2018 là 16.018ha đạt 102,96% so với kế hoạch điều chỉnh;

- Chỉ tiêu giá trị thực hiện năm 2018: Doanh thu thực hiện 317.911 trđ đạt 112,9% so với kế hoạch điều chỉnh;

Nguyên nhân tăng doanh thu, do tăng về khối lượng khoan so với kế hoạch điều chỉnh, khối lượng khoan thi công trong quý IV có chiều sâu bình quân cao hơn 9 tháng đầu năm, đồng thời việc được Tập đoàn cho áp dụng đơn giá mới theo Quyết định số 1772 từ 1/10/2018 là nguyên nhân chủ yếu tăng doanh thu.

- Lợi nhuận là 3.650trđ đạt 146% so với kế hoạch điều chỉnh.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	343.027.139.318	285.140.237.057
1.1	Tài sản ngắn hạn	197.899.756.686	161.786.404.231
1.2	Tài sản dài hạn	145.127.382.632	123.353.868.826
	Trong đó: TSCĐ HH	119.682.109.329	106.180.444.455
2	Doanh thu thuần	387.881.169.562	315.924.740.231
3	Lợi nhuận trước thuế	12.683.699.500	3.649.699.347
4	Lợi nhuận sau thuế	10.014.997.861	2.714.753.496

- Theo báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán lợi nhuận năm 2018 là: 3.649.699.347 đồng/kế hoạch 2.500.000.000 đồng, đạt 145,9%.

- Tài sản ngắn hạn là: 161.786.404.231 đồng, trong đó nợ phải thu là: 152.867.577.942 đồng.

- Tài sản dài hạn là: 123.353.868.826 đồng, trong đó TSCĐ hữu hình là: 106.480.444.455 đồng.

NG TSCĐHH đầu năm 2018 là: 334.614.736.955 đồng

NG TSCĐHH tăng trong năm 2018 là: 16.664.726.492 đồng, gồm:

+ Do mua sắm trong kỳ: 8.564.885.044 đồng.

+ Do XDCB hoàn thành: 8.099.841.448 đồng.

NG TSCĐHH giảm trong năm 2018 là: 354.157.114 đồng

NG TSCĐHH cuối năm 2018: 350.925.306.333 đồng

Giá trị khấu hao và hao mòn trong năm 2018 là: 30.227.394.130 đồng

Giá trị hao mòn lũy kế là: 244.744.861.878 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐHH là : 106.180.444.445 đồng.

Định kỳ hàng tháng, quý TSCĐ được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Giá trị thực hiện đầu tư XDCC năm 2018 là 12.997 triệu đồng so kế hoạch điều chỉnh 17.620 triệu đồng bằng 73,76%. Trong đó Công ty đã dùng toàn bộ nguồn khấu hao TSCĐ và nguồn tự có để đầu tư, không vay tín dụng.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	205.930.781.601	159.329.259.169	77,37
1	Vay và nợ ngắn hạn	58.432.425.107	65.558.704.547	112,20
2	Phải trả người bán	75.241.484.186	32.174.209.240	42,76
B	Nợ dài hạn	-		
1	Vay và nợ dài hạn			
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	205.930.781.601	174.025.946.445	84,51

- Công ty mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, thường xuyên phân loại các khoản nợ phải trả, phân loại tính chất nợ ngắn hạn, nợ dài hạn. Không để phát sinh nợ quá hạn thanh toán.

- Về vốn vay ngắn hạn 2018: Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn là 65.558.704.547 đồng là khoản vay ngắn hạn, Công ty không còn dư nợ vay dài hạn.

+ Số dư vay ngắn hạn đầu năm 2018: 56.571.225.107

+ Tổng số vay trong năm 2018: 250.395.818.856

+ Số đã trả nợ trong năm 2018: 241.408.339.416

+ Số dư vay ngắn hạn đến cuối năm 2018: 65.558.704.547

- Về vốn vay dài hạn 2018: Trong năm Công ty không thực hiện hợp đồng vay dài hạn để đầu tư.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc chỉ đạo thường xuyên rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động sản xuất chính, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ từ Công ty đến Xí nghiệp; Cụ thể năm 2018 Công ty đã sắp xếp lại bộ máy của Xí nghiệp theo đúng Nghị quyết số 14/2018/NQ – HĐQT ngày 19/3/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV cụ thể: Hợp nhất phòng vật tư với phòng Kế hoạch và lấy tên là phòng Kế hoạch vật tư; Chuyển tổ xe về phòng Kế hoạch vật tư quản lý; chuyển tổ bảo vệ về phòng Tổ chức hành chính; Chuyển tổ cơ khí về phòng Kỹ thuật sản xuất – An toàn.

Trong năm, Công ty đã tiết giảm được 58 người so với thời điểm 01/01/2018 và những cán bộ về hưu không tuyển dụng thay thế. Do vậy, bước đầu về công tác tiết giảm lao động đã cơ bản hoàn thành và việc cơ cấu lại lao động, tổ chức đã có hiệu quả, cần được duy trì, phát huy.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

- *Chất lượng môi trường không khí:*

+ Năm 2018 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng quan trắc 01 mẫu không khí tại xưởng cơ khí. Kết quả cho thấy môi trường không khí, tiếng ồn trong các khu vực của Công ty luôn đảm bảo trong giới hạn cho phép, không phải xử lý.

- *Chất lượng nước thải:*

+ Các loại nước thải của Công ty thải ra từ các khu điều hành, hóa nghiệm, văn phòng, nhà ăn, từ khu ngâm tắm khoáng nóng của Trung tâm Khoáng nóng Địa chất được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép xả vào nguồn nước của khu vực, theo vị trí được phép xả thải.

+ Năm 2018 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng quan trắc phân tích 08 mẫu nước thải tại các khu vực: Trụ sở Văn phòng Công ty, Khu km5, Trung tâm Khoáng nóng Địa chất để phân tích. Kết quả 08/08 mẫu đều nằm trong giới hạn cho phép theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- *Công tác quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:*

+ Quản lý chất thải rắn thông thường: Rác thải phát sinh tại các khu văn phòng, điều hành được thu gom hàng ngày vào các xe, thùng chứa; Công ty ký hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị để vận chuyển đi xử lý.

+ Quản lý chất thải nguy hại: Căn cứ sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp. Công ty đã ban hành quy định về thu gom, lập kho chứa; Hướng dẫn các đơn vị tổ chức thu gom đảm bảo quy định; Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Môi trường đất:* Theo các đề án BVMT, kế hoạch BVMT đã được xác nhận phê duyệt thì Công ty không phải lấy mẫu đất để phân tích đánh giá.

- *Mức độ phát thải các chất thải:* Không có.

Hàng năm Công ty đều lập báo cáo định kỳ gửi các cấp có thẩm quyền như: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, Phòng Tài nguyên và Môi trường Cẩm Phả, Tập đoàn TKV.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công đối với người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2018, Công ty đã chi hỗ trợ các quỹ bảo trợ người khuyết tật, đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình nghĩa, nạn nhân chất độc da cam, thương binh, quỹ an sinh thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh,... giá trị 75 triệu đồng. Chi phí thăm hỏi, ốm đau, thăm viếng: 43,1 triệu đồng. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Do cơ chế quản lý nên năm 2018, không hình thành nguồn quỹ tập trung về khảo sát thăm dò, vì vậy việc triển khai thi công thăm dò từ nguồn vốn này chậm hơn các năm trước, mặt khác do khối lượng thăm dò đã được cấp phép còn lại ít, khối lượng thăm dò bổ sung chưa được cấp phép, do đó khối lượng thăm dò được giao ít chỉ bằng 77% so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với khối lượng giảm thì điều kiện thi công cũng rất khó khăn, các Đề án thăm dò mỏ Nam Mẫu, Mông Dương công tác giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn, do vị trí thi công vào rừng tự nhiên không thể triển khai đồng loạt các vị trí thi công, vì thế tuy ít việc nhưng công ty vẫn không thi công hết được khối lượng TKV giao.

Do khối lượng thi công ít nên doanh thu cũng giảm đi tương ứng, vì vậy rất khó khăn trong việc cân đối chi phí, tuy nhiên với tinh thần vượt khó Công ty đã đề ra nhiều biện pháp về quản lý kỹ thuật, quản trị chi phí có hiệu quả, do đó nên năm 2018 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu phối hợp kinh doanh điều chỉnh, bảo toàn được vốn, đời sống thu nhập của người lao động được ổn định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho các phó Giám đốc, các cán bộ quản

lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban, tổ, đội, Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Xây dựng Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành một Công ty chuyên khoan thăm dò, khảo sát đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch	Không ĐH	86,59		Từ 01.01-:-31.12.2018
2	Phạm Tuấn Ninh	Thành viên	Không ĐH			Từ 01.01-:-31.12.2018
3	Vũ Văn Mạnh	Thành viên	Điều hành		0,13	Từ 01.01-:-30.11.2018
4	Lê Văn Lân	Thành viên	Điều hành		0,10	Từ 01.01-:-31.12.2018
5	Phạm Văn Ngôn	Thành viên	Điều hành		0,17	Từ 01.01-:-31.12.2018
6	Hà Minh Thọ	Thành viên	Điều hành		0,086	Từ 01.12-:-31.12.2018

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 01 (một) thành viên HĐQT không điều hành và 03 (ba) thành viên HĐQT điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Hoàng Minh Hiếu đồng thời Chủ tịch Hội đồng quản trị của bốn đơn vị (Công ty cổ phần than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin; Công ty cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin; Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại than Uông Bí; Công ty cổ phần Chế biến và Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2018 Hội đồng Quản trị Công ty có sự thay đổi về nhân sự, các thành viên HĐQT thay thế vị trí của các thành viên HĐQT miễn nhiệm thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ được tiếp nhận, cụ thể:

(i) Miễn nhiệm ông Vũ Văn Mạnh thôi là thành viên HĐQT Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV kể từ ngày 01/12/2018.

(ii) Bầu ông Hà Minh Thọ, Người đại diện của Tập đoàn TKV giữ chức thành viên HĐQT Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV kể từ ngày 01/12/2018.

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 22 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 26 Nghị quyết, 13 quyết định liên quan đến quy chế, cơ chế, công tác tổ chức cán bộ, quản trị chi phí, quản lý tiền lương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Phụ lục 01 kèm theo):

- Sửa đổi, bổ sung ban hành 03 Quy chế quản lý để làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (độc lập)

Trong năm 2018, ông Phạm Tuấn Ninh là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo hoạt động của hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ	
			Đại diện	Sở hữu (%)
1	Lê Thị Kim Dung	Trưởng Ban	0	0,06
2	Hoàng Kim An	Thành viên	0	0,06
3	Nguyễn Đức Luận	Thành viên	0	0,03

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV ngày 25/12/2015: Ban kiểm soát công ty được bầu gồm 03 người, 01 Trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

Trưởng ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và hàng quý để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể, trong năm 2018 đã thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu, điều lệ công ty.

- Kiểm soát việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ, cơ chế, quy định nội bộ của Công ty ban hành trong năm 2018.

- Đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, báo cáo tài chính năm 2018; Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2018; các báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của Công ty; Kiểm soát các lĩnh vực quản lý tài chính công nợ, vật tư, đầu tư, sửa chữa lớn, công tác lao động tiền lương, tái cơ cấu... Kết quả kiểm tra đã trao đổi trực tiếp với Ban Lãnh đạo và các phòng chuyên môn của Công ty để rút kinh nghiệm thực hiện.

- Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp giao ban của Công ty hàng tuần, họp sơ kết tháng, quý để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.

- Thực hiện nộp các báo cáo định kỳ theo quy định về Tập đoàn đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tổ chức 05 cuộc họp để triển khai thực hiện kiểm soát hoạt động tại Công ty, bao gồm:

TT	Ngày tháng họp	Nội dung
1	26/2/2018	- Thông qua biên bản kiểm soát năm 2017 và đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016. - Triển khai nhiệm vụ kiểm soát Quý I/2018 theo KH số 16/ĐCM-BKS ngày 03/01/2018.
2	22/3/2018	- Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2018 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2	25/4/2018	- Thảo luận, thông qua biên bản kiểm soát hoạt động SXKD Quý I/2018 của Chi nhánh XN Địa chất Đông Triều và Công ty; - Triển khai nhiệm vụ kiểm soát Quý II/2018 theo KH số 385/ĐCM-BKS ngày 03/4/2018.
3	24/7/2018	- Thảo luận, thông qua biên bản kiểm soát hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty và Chi nhánh XN Địa chất Đông Triều; - Triển khai nhiệm vụ kiểm soát Quý IV/2018.
4	26/10/2018	- Thảo luận, thông qua biên bản kiểm soát hoạt động SXKD 9 tháng năm 2018 của Công ty và Chi nhánh XN Địa chất Đông Triều

		- Triển khai nhiệm vụ kiểm soát Quý IV/2018 theo KH số 955/ĐCM-BKS ngày 13/9/2018.
--	--	--

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 với tổng số tiền là: 455.400.000đồng.

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách:* Ban giám đốc Công ty có 06 thành viên; 01 Trưởng ban kiểm soát. Trong năm 2018, Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát với tổng số tiền là: 1.921.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi một triệu đồng chẵn)

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2018 như sau:

T T	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập tiền lương năm 2018 (đ)	Thu nhập từ thù lao năm 2018 (đ)	Tổng số
A	B	C	1	2	3=1+2
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT		74.520.000	74.520.000
2	Phạm Tuấn Ninh	TV. HĐQT		63.480.000	63.480.000
3	Lê Thị Kim Dung	TB. Kiểm soát	276.000.000		276.000.000
4	Hoàng Kim An	TV. BKS		63.480.000	63.480.000
5	Nguyễn Đức Luận	TV. BKS		63.480.000	63.480.000
6	Vũ Văn Mạnh	Nguyên TV. HĐQT- GĐ	286.000.000	63.480.000	349.480.000
7	Hà Minh Thọ	TV. HĐQT - GĐ	279.000.000		279.000.000
8	Lê Văn Lân	TV. HĐQT - PGĐ	276.000.000	63.480.000	339.480.000
9	Phạm Văn Ngôn	TV. HĐQT - PGĐ	276.000.000	63.480.000	339.480.000
10	Nguyễn Bá Lượng	P. Giám đốc	276.000.000		276.000.000
11	Nguyễn Thị Hồng Lan	Kế toán trưởng	252.000.000		252.000.000
	Tổng cộng		1.921.000.000	455.400.000	2.376.400.000

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có


d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:* Trong năm 2018 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán:** Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 17/20189/BCKT- PKF.VPC ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: www.minegeolog.com.

Xin trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

GIÁM ĐỐC



Hà Minh Thọ

Phụ lục 01: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2018

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
1	Số: 01/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua: Kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018
2	Số: 02/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
3	Số: 03/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua Kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương năm 2018
4	Số: 04/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Thông qua Quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
5	Số: 05/2018/NQ-HĐQT	03/01/2018	Về việc Tạm giao hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
6	Số: 06/2018/NQ-HĐQT	30/01/2018	Thông qua: Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
7	Số: 07/2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Về việc Tạm chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT Công ty năm 2018
8	Số: 08/2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Về việc Thông qua Quy chế khoán, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
9	Số: 09/2018/NQ-HĐQT	27/02/2018	Về việc Thông qua Hệ thống Thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
10	Số: 10/2018/NQ-HĐQT	05/3/2018	Về việc Phê duyệt chuyển xếp lương cho Người quản lý Công ty từ thang lương, bảng lương tại Quyết định số 74/QĐ-ĐCM ngày 16/01/2017 sang thang lương, bảng lương mới của Công ty tại thời điểm 01/01/2018
11	Số: 11/2018/NQ-HĐQT	06/3/2018	Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
12	Số: 12 /2018/NQ-HĐQT	07/3/2018	Về việc tạm thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2017
13	Số: 13/2018/NQ-HĐQT	19/3/2018	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017

14	Số: 14/2018/NQ-HĐQT	19/3/2018	Về việc phê duyệt mô hình tổ chức và định biên lao động Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
15	Số: 15/2018/NQ-HĐQT	27/4/2018	Thông qua: Nội dung Hợp đồng Kinh tế với Công ty CP than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin.
16	Số: 16/2018/NQ-HĐQT	04/5/2018	Về việc: chi trả thù lao cho Người phụ trách quản trị Công ty năm 2018.
17	Số: 17/2018/NQ-HĐQT	30/5/2018	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng đầu năm 2018 và tạm điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
18	Số: 18/2018/NQ-HĐQT	10/7/2018	Thông qua: (i) Quy chế quản lý công tác vật tư; (ii) Hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
19	Số: 19/2018/NQ-HĐQT	23/7/2018	Về việc thông qua tiếp tục đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chồng
20	Số: 20/2018/NQ-HĐQT	03/8/2018	Về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và giai đoạn 2020-2025
21	Số: 21/2018/NQ-HĐQT	08/10/2018	Về việc thông qua chủ trương hợp tác đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá chồng với Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin theo hình thức BCC, không hình thành pháp nhân mới.
22	Số: 22/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	Về việc từ nhiệm thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty đối với ông Vũ Văn Mạnh; Về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT, bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Hà Minh Thọ.
23	Số: 23/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	Thông qua: (i) Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018; (ii) Về việc nâng lương theo niên hạn đối với Phó Giám đốc Phạm Văn Ngôn.
24	Số: 24/2018/NQ-HĐQT	18/12/2018	Về việc thống nhất thông qua chủ trương cho Giám đốc lùi thời gian sắp xếp mô hình tổ chức của Công ty sang năm 2019.
25	Số: 25/2018/NQ-HĐQT	27/12/2018	Về việc thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
26	Số: 26/2018/NQ-HĐQT	27/12/2018	Về việc thống nhất thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm lại 07 cán bộ và kéo dài thời gian giữ chức vụ cho 01 cán bộ thuộc cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
27	Số: 20/QĐ-ĐCM	04/01/2018	Quyết định về việc Ban hành Quy chế Quản lý lao động và tiền lương của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

28	Số: 193/QĐ-ĐCM	30/01/2018	Quyết định về việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
29	Số: 260/QĐ-ĐCM	09/02/2018	Quyết định về việc Ban hành Quy chế khoán, quản trị chi phí của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
30	Số: 308/QĐ-ĐCM	27/02/2018	Quyết định về việc Ban hành Hệ thống Thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
31	Số: 358/QĐ-ĐCM	05/3/2018	Quyết định về việc Chuyển xếp lương cho Người quản lý Công ty từ thang lương, bảng lương tại QĐ số 74/QĐ-ĐCM ngày 16/01/2017 sang thang lương, bảng lương mới của Công ty tại thời điểm 01/01/2018
32	Số: 1129/QĐ-ĐCM	17/7/2018	Quyết định về việc phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2018 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
33	Số: 1191/QĐ-ĐCM	06/8/2018	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch Cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2020 (sau rà soát, bổ sung) và giai đoạn 2020-2025 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
34	Số: 1726/QĐ-ĐCM	08/11/2018	Quyết định về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ hưu trí đối với ông Vũ Văn Mạnh.
35	Số: 1765/QĐ-ĐCM	15/11/2018	Quyết định về việc nâng bậc lương cho Phó Giám đốc Phạm Văn Ngôn.
36	Số: 1766/QĐ-ĐCM	15/11/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế đối với ông Hà Minh Thọ.
37	Số: 1768/QĐ-ĐCM	15/11/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Hà Minh Thọ.
38	Số: 1779/QĐ-ĐCM	19/11/2018	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo tiếp tục chỉ đạo và triển khai đầu tư dự án Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá chông phường Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh.